

# HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## QUYỂN 6 (PHẦN CUỐI)

### PHẨM TÍN HIỂU

Chia làm ba môn :

1. Lý do có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải thích chương ngại

\* **Phần đầu** có hai ý:

1. Nói ngài Thu Tử là bậc thượng căn nghe pháp nói liền vui mừng lãnh thọ. Bốn hạng người trung căn, nương theo dụ nói mà tỏ hiểu, nên sau phẩm Thí dụ thì có phẩm Tín hiểu.

2. Luận giải thích chúng sanh có đủ bảy thứ phiền não tăng thượng mạn. Vì để đối trừ nên nói bảy thí dụ. Trong phẩm trước vì người Tăng thượng mạn thứ nhất, cầu thế lực, khởi điên đảo cầu công đức, cầu quả báo mầu nhiệm ở cảnh giới trời người. vì những người này mà Phật nói ví dụ nhà lửa. Phẩm này vì người Tăng thượng mạn thứ hai cầu Thanh-văn giải thoát, đều là tăng thượng mạn. Cho rằng: Thừa của ta không khác với thừa của Như-lai. Vì thủ chấp điên đảo như thế, mà cầu pháp Thanh-văn giải thoát, để đối trị hạng này nên nói thí dụ Cùng tử. Trước nói thừa vô vi, sau nói thừa không khác chỉ là một. Phật khuyên tin nhập Đại thừa, kia liền mê chấp. Nay so sánh đưa con cùng tử với Trưởng giả, thừa hữu vi khác với thừa trước để khuyên bỏ mê đắm. Cho nên kể phẩm trước lại phát sanh phẩm này.

\* **Giải thích danh:** Lược có bốn môn:

1. Trừ nghi gọi là Tin, phá mê gọi là Giải. Bốn hạng người xưa nghi ngờ là mình không thể thành Phật, nên tâm không ưa thích Bồ-đề. Đối với chánh giác cũng không thể ngộ, do đó mà ngồi trong pháp tòa thân thể mỗi mệt. Đã nghe dụ nói cũng đồng như Thu Tử ở trước, tâm



nghe hối liên dứt, cho nên gọi là tín hiểu. Tín tức là tịnh tâm nhãn dục. Giải là diệu trí ấn chứng điều mong. Tin đã thành Phật hiểu ý Phật nói.

2. Tín dứt trừ bất tín. Giải là để phá sự bất giải, xưa hiểu liên ba thừa mà không tin một thừa. Hoặc tin ba mà không hiểu một. Nay thì hiểu một mà tin cả ba, hiểu ba mà cũng tin một. Vì tâm thanh tịnh lại biết nên gọi là Tín hiểu. Tín tức là tâm tịnh có thể hiểu. Giải là lý rõ ràng có thể đạt được. Giải sâu mà tin cạn, nên trước sau đều nói: Do tín mà thể nhập vào nền tảng Đại thừa. Do giải cho nên tác chứng căn bản của chân tông. Cả hai đều có thể, cả hai nêu ra nên gọi là tín hiểu. Tín tức là ấn thuận lại chỗ nghe mà đặt tên. Giải là ngộ hưởng đến quyền thật mà gọi. Với quyền với thực thủy đều tín hiểu.

3. Tin thấy rõ là do người khác, giải là do tự ngộ. Trước đã nói Thanh-văn tin lời Phật nói, cho nên thuận theo kinh này, chẳng phải trí phân của mình nên hiển bày do nhờ Phật mà bốn người mới tin. Đã có tin rồi, tự so sánh mà giải sanh thì sẽ tự hiểu, nên gọi là tín hiểu. Tin là thuận với người dùng tâm tịnh, hiểu là rõ được mình mà có thể biết người. Đối với người và pháp cùng tin cùng hiểu.

4. Tín, giải cả hai đều có phân biệt: Hàng độn căn chánh kiến tin mà không hiểu. Người lợi căn tà kiến hiểu mà không tin. Người lợi căn chánh kiến cũng tin cũng hiểu. Độn căn tà kiến thì không tin không hiểu. Lại phạm phu sơ tâm tin mà chưa hiểu. Hàng Bồ-tát Thập địa chứng giải nên đã tin. Hàng Địa tiền nhập đạo do tin mà hiểu. Nhất Xiển-đề không tin không hiểu. Nay tóm lược cả hai là giải của tín là chẳng phải tín mà không giải, chẳng phải giải mà không tín. Tín mà hiểu đó gọi là tín hiểu. Đều giữ theo câu thứ ba. Tín là tâm tịnh định hưởng, hiểu là trí sâu giác ngộ. Đối và giáo với lý đều tin đều hiểu. Đó là so sánh mà giải thích. Tùy theo nghĩa tăng đó mà hiểu được giáo ý thật quyền. Tín là trở về yếu chỉ của Nhất thừa, đối với lý chưa chứng nên không nói hiểu, dùng nghĩa luận chung nên đều duyên vào giáo lý, vừa tín vừa tức là trì nghiệp thích.

\* **Giải thích chương nạn:** Y theo Tỳ-bà-sa mà nói Thanh-văn có ba phẩm. Thượng căn chỉ có một, tức ngài Xá-lợi-phất, tự trong sáu mươi kiếp từng luyện căn. Hạng trung căn cũng một, như ngài Mục-kiền-liên. Còn lại các Thanh-văn khác đều thuộc về hạ tánh. Vì sao hôm nay bốn hạng người lãnh hội đều là người trung căn?

Đáp: Ngài Thu Tử trước khi giác ngộ, chưa thấu hiểu được tông kia. Bốn người là trung căn đầu trái với lý này, chỉ là đối với các Thanh-

văn mà so sánh. Như nói trung phẩm chỉ có Mục-kiền-liên là để các Thanh-văn khác phát hưởng về đại tánh quy tâm, bao gồm cả bốn người thì có gì sai! Vả lại, như sự ngộ không của Thiện Hiện, tài biện nói của Mãn Từ, trì luật của Ba-ly, Đầu-đà như Ca-diếp. Mỗi vị đều có một hạnh cao quý đâu cần khả năng bằng nhau. Cho nên nói cả bốn vị đều là trung căn trung đầu trái với ý thú chân thật.

Hỏi: Vì sao trong luận bầy dụ gọi là cùng tử, mà trong kinh phẩm đề là tín hiệu?

Đáp: Tín hiệu là gốc mới có thể nói thí dụ, luận vì phá bệnh của cùng tử nên lấy đó đặt tên. Kinh là từ nơi pháp căn bản mà gọi là tín hiệu căn cứ ở nghĩa mạnh mà đặt tên, đâu một làm so sánh.

- Kinh: “Bấy giờ Tuệ mạng cho đến vui mừng hớn hở.”

- Tán: Phẩm này trong văn chính có ba phần:

1. Nêu sự vui mừng kính tín của bốn vị.

2. Thuật lại sự lãnh hội của bốn vị.

3. Trình bày sự mang ân của bốn vị. Như kệ tụng dưới nói: “Ân lớn của Thế tôn”

Phần một nói hai ý: Vui mừng và Kính ngưỡng.

Tuệ Mạng nên gọi là Cụ thọ theo thế tục, đều là yêu thích thân mạng lâu dài. Bạc Thánh dùng trí tuệ quý giá làm tuổi thọ. Cả hai ước nguyện đều thành tựu nên nói Cụ thọ, chỉ nói tuệ mạng không thì chưa đủ. Lại trong kinh Bát-nhã, ngài Chân đế gọi tịnh mạng là y cứ vào đoạn đức. Tuệ mạng là y cứ vào trí đức, nay nói Cụ thọ là đầy đủ hai đức trí và đoạn. Nếu chỉ nói tuệ mạng thì nghĩa còn thiếu. Ba vị kia thì dùng tánh mà gọi, lược Tiểu lấy Đại để nêu tên. Thiện Hiện dùng đức để rõ đề, chỉ dùng tuệ mạng là nêu đức. Gần nghe dụ nói được điều chưa hề có, xa nghe thọ ký thì sanh vui mừng.

Nghĩa của chữ Dũng dực (hớn hở) thì xa gần đều nói, hoặc pháp chưa hề có tức là được thọ ký thành Phật.

- Kinh: “Liền từ chỗ ngồi đứng dậy cho đến mà bạch Phật rằng:”

- Tán: Là nói về sự kính ngưỡng, tiêu biểu có chín nghĩa:

1. Đứng dậy khỏi chỗ ngồi là tiêu biểu Nhị thừa phát đại tâm.

2. Sửa y phục ngậy ngấn, tiêu biểu thọ trì đầy đủ giới Bồ-tát.

3. vén y bày vai phải: tiêu biểu Nhất thừa là việc tốt lành.

4. Quý gối phải xuống đất là tiêu biểu hàng phục tâm chấp Nhị thừa xưa kia.

5. Nhất tâm là tiêu biểu chuyên cầu Đại thừa không thọ một câu kệ kinh khác.

6. Chấp tay biểu thị tâm mê nghe Phật nói mà biết rõ pháp quyền thật.

7. Cúi mình cung kính là tự thân tâm đều cúi mình thuận theo.

8. Chiêm ngưỡng tôn nhan là biểu thị tâm quán giáo lý, thấy hai thân pháp thân và hóa thân.

9. Bạch với Phật là thể hiện sự tín hiểu.

- Kinh: “Chúng con là bậc thượng thủ ở trong tăng cho đến Tam-miêu Tam-bồ-đề.”

- Tán: Đoạn thứ hai nêu thuật lại sự lãnh hội của bốn người. Đầu tiên là phần Văn xuôi sau là kệ tụng. Văn xuôi nói ba phần. Lãnh hội pháp, lãnh hội thí dụ và lãnh hội hợp nói.

Lãnh hội pháp có hai ý: Xưa chúng con không mong, nay nói chúng con đều được. từ câu: “Chúng con hôm nay ở trước Phật v.v...” Là nói rõ xưa không mong. Phật xưa nói quyền nên con học theo pháp quyền. Trước khi có hội Pháp Hoa chưa mong cầu chứng được pháp thật của Nhất thừa, mà sẽ thành Phật. Nay đều được tức là nay nghe pháp Nhất thừa sẽ được thành Phật. lãnh hội được ý Phật trước nói quyền, sau giáo hóa thật. Ý đầu tiên văn có lược, rộng.

Lược có bốn ý: Đứng đầu trong tăng, đức cao vọng trọng. Tuổi đều già lụn, răng long sức yếu. Tự cho đã đắc Niết-bàn, khổ dứt tâm thư thái. Không còn đảm đương việc gì nữa, tánh tình an phận. Do bốn nghĩa này mà không có chí mong cầu, không có ý thắng tiến, cho nên xưa không mong cầu Đại thừa.

- Kinh: “Thế tôn xưa kia cho đến tâm không hỷ lạc.”

- Tán: Nói rộng về không mong cầu. Trước tiên là nói việc xưa, sau giải thích lý do.

Phần đầu lại có hai:

- Phần đầu: Chỉ tu tự hành. Khi Phật nói các kinh Bát-nhã, chỉ niệm không, vô tướng, vô tác. Về sau không thích Đại thừa. Đức Thế tôn xưa kia đã nói kinh Bát-nhã cho các Bồ-tát. Vì không thích ngộ nên thân tâm chúng con mệt mỏi, bèn tu tam quán. Dùng không mà nhiếp nhị hành. Nghĩa là không, vô ngã quán chúng sanh là Không, Vô tướng nhiếp bốn hành của bốn diệt đế. Quán Niết-bàn vô tướng, vô tác tức là Vô nguyện nhiếp mười hành khác. Khổ đế bên dưới có hai hành.

Tập đế, Khổ đế mỗi đế có bốn. Quán các pháp hữu vi là tất cả Vô nguyện, các đế này có cả hữu lậu vô lậu, thuộc về ba tuệ, không nói Tam-muội. Các nghĩa khác đều như trong Du-già quyển mười hai có giải thích. Đây là y theo ba thứ quán của Thanh-văn. Nói không trình

bày về Bồ-tát quán. Đối với pháp Bồ-tát là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, lược làm bảy vị:

1. Tứ niệm trụ: Thân, thọ, tâm, pháp lấy tuệ làm tự thể. Nghĩa là do niệm lực mà tuệ ở nơi cảnh trụ.

2. Tứ chánh đoạn: Là luật dứt đoạn, đoạn đoạn, phòng hộ đoạn, tu tập đoạn. Lấy tinh tấn làm thể. Tinh tấn khởi dụng có thể tu đoạn.

3. Tứ thần túc: Là dục, cần, tâm, quán. Dùng định làm thể. Vì bốn thứ này mà tu định.

4. Ngũ căn: Tín, cần, niệm, định, tuệ. Theo tên gọi lấy năm căn làm thể, sanh ra thiện pháp.

5. Ngũ lực: Thể là ngũ căn. Vì khó khuất phục, cho nên lia căn mà lập riêng.

6. Thất giác chi: Là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, niệm, định, xả, khinh an.

Ba cửa biệt cảnh: Trạch pháp, niệm, định.

Ba cửa thiện số: Cần, xả, khinh an. Một là biến hành nghĩa là hỷ.

7. Bát thánh đạo: Là chánh kiến, chánh suy nghĩ, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định và chánh tinh tấn. Chánh suy nghĩ là lấy tuệ làm tánh, có thể phát ra ngôn ngữ chung cả Phật có. Chánh ngữ, chánh nghiệp là lấy không sân si phát ở thân, ngữ làm thể, phát ra từ không tham gọi là chánh mạng. Lia năm tà mạng đều lấy sắc tư vô biểu làm thể. Các pháp khác như chính tên gọi Ba mươi bảy thứ hợp với thể thì có chín: 1. Tuệ; 2. Tinh tấn; 3. định; 4. Tín; 5. Niệm; 6. Hỷ; 7. Xả; 8. Khinh an; 9. sắc Vô biểu.

Biến hành có một: Là hỷ. Biệt cảnh có ba: Là niệm, định, tuệ. Thiện có bốn là: tín, cần, xả, khinh an. Sắc pháp có một là vô biểu. Như trong Số Vô Cấu Xứng, nói sở tu của Bồ-tát và Thanh-văn khác nhau, nên Bồ-đề phần gọi là pháp Bồ-tát.

- Thứ hai là du hý thần thông: Kinh Hoa Nghiêm nói Bồ-tát có mười pháp gọi là du hý thần thông:

1. Hiện xả bỏ tuổi thọ cõi trời.
2. Là hiện thọ sanh.
3. Hiện là đồng tử đùa giỡn nhiều cách.
4. Hiện làm người xuất gia.
5. Hiện làm khổ hạnh.
6. Hiện hương về cây Bồ-đề.
7. Hiện hàng phục ma quân.

8. Hiện ưa thích vắng lặng, thành đạo Vô thượng.
9. Hiện xoay bánh xe.
10. Hiện nhập Niết-bàn.

Có khác với tám tướng mà trong luận nói.

- Thứ ba là thanh Tịnh Cõi nước Phật: Trong kinh Vô Cấu Xứng thứ nhất có mười tám loại nhân, hợp thành tám loại. Nghĩa là phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề, độn ý lạc, thiện gia hạnh, tăng thượng ý lạc, bốn thứ này đều như chính tên gọi.

Lục độ là sáu đều gọi là chỉ tức. Tứ vô lượng, tứ nhiếp sự, xảo phương tiện, Bồ-đề phần. Bốn phần này hợp gọi là phát khởi, gồm có tu thiện đều tu hồi hướng. Đây nói dứt là không rảnh, tự giữ, giới hạnh, mười nghiệp đạo thiện ba thứ này gọi là vắng lặng. Trong phẩm Hương đài của kinh ấy nói có tám:

1. Suy nghĩ đối với hữu tình làm các nghiệp thiện mà không mong cầu thiện báo.
2. Suy nghĩ thay thế chịu khổ cho người. Gốc lành của mình đều hồi hướng hết cho người.
3. Suy nghĩ đối với hữu tình tâm đều bình đẳng, tâm không vương ngại.
4. Suy nghĩ đối với hữu tình, và điều phục tâm kiêu mạn của mình, yêu kính như Phật.
5. Tín hiểu tăng thượng: Đối với các kinh chưa nghe đều không nghi ngờ không chê bai.
6. Đối với việc lợi dưỡng của người mà không có tâm ganh ghét. Việc lợi dưỡng của mình không sanh kiêu mạn.
7. Điều phục tự tâm: Thường tự xét lỗi của mình, không chê bai lỗi người.
8. Thường không phóng dật, luôn tu thiện pháp

Tám pháp này nếu không hủy phạm, từ đây cho đến khi chết sanh về Tịnh độ khác. Điều này trong chương Tịnh độ có nói.

- Thứ tư là thành tựu chúng sanh: Bên ngoài hóa độ làm lợi ích muôn vật. Chành ác lợi tha, trong đây tức là bốn hạnh Bồ-tát Thất địa, là hạnh Bồ-đề phần. Đây là pháp Bồ-tát. Các thần thông hạnh, Ba-la-mật hạnh, đây gọi là thanh tịnh Cõi nước Phật, thành tựu hữu tình hạnh. Đối với bốn thứ Đại thừa này, không sanh một ý niệm ưa thích thì không thể hướng đến mong cầu.

- Kinh: “Vì sao cho đến tâm ưa thích.”

- Tán: Đây là giải thích về lý do có hai:

1. Đạo đã tròn đầy, tâm an ổn không lo khổ.
2. Tuổi đã già suy, sức lực yếu kém cho nên đối với Đại pháp không tâm mong cầu ưa thích.

- Kinh: “Chúng con nay ở trước Phật... cho đến không cầu mà tự được...”

- Tán: Nói lên pháp đạt được ngày nay. Đắc pháp Đại thừa thì sẽ thành Phật. Đây có ba phần:

1. Được thọ ký, tâm lãnh hội chung ở châu đầu tiên.
2. Nghe pháp sanh vui mừng: Riêng lãnh thọ dụ nói, lãnh ngộ được hai điều này.

3. Vui đạt được thiện lợi. Vô lượng châu báu tức là Đại thừa.

- Kinh: “Bạch Đức Thế tôn chúng con ngày nay cho đến vì rõ được nghĩa này.”

- Tán: Biệt trình bày về thí dụ có hai:

1. Nói chung về nói dụ.
2. Trình bày lời thí dụ.

Phật trước có nói: Những người hiểu biết, nhờ thí dụ mà được hiểu, cho nên nay cũng dùng dụ để lãnh hội ý Phật.

- Kinh: “Thí như có người tuổi còn thơ bé cho đến

- Tán: Trình bày lời thí dụ có hai:

1. Dụ trước kia không mong cầu Đại thừa.
2. Dụ bây giờ đã được.

Lại trong kinh nói: Trải qua ít lâu sau, cha biết ý con dần dần đã thông thái.” Tức là trước thì dụ trụ vào quyền mà không mong cầu Đại thừa. Sau dụ nghe thật pháp mà đắc được. Văn đầu lại có sáu:

1. Dụ lúc phát tâm đầu tiên.
2. Bỏ cha trốn đi, trở lại nơi dòng sanh tử.
3. Dụ tuổi đã lớn trở về gặp Phật.
4. Dụ cha mẹ nhớ con không chịu tu Đại thừa.
5. Dụ cha từ xa nhìn thấy, bảo sứ giả rằng v.v... ” là hóa độ bằng pháp Nhị thừa.

6. “Thế tôn! Lúc ấy trưởng giả bị bệnh v.v...” là dụ chỉ cho Đại thừa mà không mong cầu.

Đây là nói phần đầu. Bốn đoạn đầu đồng như trước đã nói. Hai muôn Phật đều dùng Đại thừa mà hóa độ. Đoạn thứ năm như trước nói: Dùng phương tiện dẫn dắt chúng sanh vào trong pháp của ta. Đoạn thứ sáu, như trước hội Pháp Hoa đã từng nói Bát-nhã, chỉ nghĩ đến pháp không mà chẳng sanh ưa thích. Nay đạt được trong đây mới khiến nhớ



đến đạo thực hành thuở xưa, mà chỉ nói Pháp Hoa. Ấu nghĩa là yếu. Trí là nhỏ là tiểu. Đầu tiên là mười sáu vị vương tử, dạy cho họ phát đại tâm, lại còn thêm nói. Chưa tu hành rộng gọi là thơ bé.

- Kinh: “Bỏ cha trốn đi cho đến năm mươi năm”.

- Tán: Phần hai dụ cho việc lui sụt dòng sanh tử. Đối pháp dẫn kinh rằng: Nếu có chánh kiến Tăng thượng phẩm ở thế gian, tuy trải qua ngàn lần sanh cuối cùng cũng không đọa vào đường ác. Kia căn cứ vào hạng tăng thượng bắt đầu phát tâm. Nay nói phẩm hạ phát tâm lui sụt vào dòng sanh tử, tâm chưa vững chắc nên không chuyên ưa thích Phật gọi là bỏ cha. Trái với giáo lý thường thực hành hành vi ác, thì dụ như trốn đi. Đào thệ là nói xưa trốn đi (thệ là là: xưa), hành cũng có nghĩa là đi. Nước khác là chỉ cho sanh tử. Lâu ngày không được an vui. Phật pháp chính là nước cũ, lâu xa có thể khiến cho an vui. Trong kinh Niết-bàn, nói Phật pháp là nước khác, chẳng phải phần của mình, sanh tử là nước cũ là phần mình. Kia Đây, đối nhau đều khác nhau. Ở đây dùng hữu tánh và phát tâm về sau làm tự tha. Kia lấy vô tánh và trước khi chưa phát tâm làm tha tự, cũng không trái. Trước tuy dùng Ba cõi làm ngôi nhà lớn của Phật, mà nay cho là nước khác là vì thể nhiễm tịnh có khác nên nước chia ra có tha, tự. Lại y theo phàm tình thì cũng không trái ngược. Lại y theo đại bị, sanh tử làm nhà, nếu nói theo đại trí thì gọi là tha quốc. Trong dụ dưới nói thì gồm có năm nước:

1. Ở lâu tại nước khác.
2. Trở về nước mình.
3. Đi khắp nước khác.
4. Trải qua các làng ấp cõi nước.
5. Cùng hội thân tộc quốc vương đại thân.

Phần đầu và phần thứ ba lấy sanh tử làm tha quốc, phần thứ hai lấy Phật pháp làm nước mình. Phần thứ tư cũng nói chung về Phật pháp. Nói pháp lợi ích rộng lớn như nước. Thứ năm tức là nước của nhân vương. Hoặc dụ bốn chúng của nước Phật pháp.

Hoặc mười cho đến năm mươi năm đó là trôi lăn trong năm đường. Gọi là hạt giống là tư dưỡng trong mười nghiệp đạo.

- Kinh: “Tuổi đã lớn... trở về nước mình.”

- Tán: Trong đoạn thứ ba là dụ trở về thấy Phật, tức là chưa tâm lui sụt Bồ-đề. Trước đã từng thấy Phật, đời đời đã từng được Phật hóa độ. Trước đây gặp Phật được hóa độ pháp Đại thừa. Văn có ba phần:

1. Con lớn tuổi rồi trở về nước.
2. Cha trước đây đi tìm kiếm.

3. Gặp con đến thành.

- Đây là nói phần một, trong đây có sáu:

1. Căn tánh dần dần trưởng thành, là tập chủng tánh.

2. Chưa tu phước tuệ, lại thêm sự khốn cùng.

3. Trôi lăn trong bốn sanh khắp cả bốn phương.

4. Mưu tính ra khỏi đường khổ, vì cầu cơm áo.

5. Tâm vẫn tư tuệ, do chủng tánh ép ngặt, ngày ngày sanh thiện mà dần dần dạo đi.

6. May gặp được Phật pháp, hướng về nước mình. Đầu tiên là dạy phát đại tâm, tuy lui sụt vào dòng sanh tử, mà nay trở về gặp Phật pháp, trụ ở trong đó thuận với sở tu trước kia nên gọi là nước mình.

- Kinh: “Người cha từ trước đến nay cho đến dừng lại ở một thành.”

- Tán: Nói cha trước đã mong tìm gặp. Lại có ba phần:

1. Tìm con mà dừng lại thành.

2. Cửa cải và rất đông người.

3. Người đi buôn làm lợi rất nhiều.

Đây nói phần đầu.

Cha đó là hóa thân, Phật từ trước đến nay, tuy đã trải qua bao lần hóa độ dẫn dắt, chúng sanh tự thối lui. Cho nên nói trước nay tìm gặp con mà không được. Giữa đường dừng ở một ngôi thành là chỉ trong đường sanh tử. Thành là chỉ cho Đại thừa.

Kinh Vô Cấu Xưng chép: Lấy thành làm hộ pháp, nay dùng pháp Đại thừa làm thành, sắp nói pháp Đại thừa để dạy chúng sanh phát tâm. Thành là dụ cho pháp Đại thừa.

- Kinh: “Nhà này rất giàu có cho đến đều đầy ắp.”

- Tán: Cửa cải rất nhiều. Có tám phần: Trong đây nói có hai:

1. Bảy báu là dụ cho bảy Thánh tài đầy đủ.

2. Có kho vô vi và kho hữu vi, các đức đều đầy đủ. Trong Bác Vật Chí chép: Cây Tùng chỉ trồng xuống đất ngàn năm hóa thành phục linh. Phục linh ngàn năm hóa thành hổ phách, còn gọi là hồng châu.

Quảng Chí chép: Chỗ sanh vật này ở bên và ở trên hư không sanh ra cỏ cây. Sâu cỡ tám, chín thước, lớn như cái đấu, lột phần vỏ trên, chính giữa thành hổ phách có nước lóng lánh như nhựa quả táo, rồi đong cứng mới thành hổ phách; người xứ đó xứ dụng làm bát đựng.

- Kinh: Có nhiều tội tở cho đến trâu dê vô số.

- Tán: Đây có sáu loại:

1. Điều phục phiền não làm tội tở, sai khiến tùy ý.

2. Dùng phương tiện khéo léo làm các quan giúp đỡ.
3. Dùng diệu nguyện và năng lực làm nhân dân.
4. Lấy năm thông làm voi, ngựa.
5. Ngũ thừa làm xe cộ.
6. Tám muôn bốn ngàn chúng hành làm vô số trâu dê.

- Kinh: Xuất ra thu vào làm lãi cho đến cũng đông nhiều”.

- Tán: Đây nói về việc khách làm lợi rất nhiều. Giáo chân đế tục đế là lời ích nhập xuất. Nhập vào Phật pháp xuất ra sanh tử. Hoặc dạy Ba thừa thì gọi là “xuất xuất sanh tử”. Giáo trời người thì gọi là nhập nhập sanh tử. Khiến cho pháp thiện dần dần sanh trưởng thì gọi là lời. Lời nghĩa là nuôi lớn mạng sống. Vì thương chúng sanh mà giáo hóa đến những nơi sanh tử nên nói: Lời lãi đến khắp nước khác. Đến các nơi Thánh chúng Ba thừa, giảng nói chánh pháp của Phật.

Tuyên Ni nói: Tìm giá tốt để định giá tức là đồng với đây. Loại này chẳng phải một nên gọi là rất nhiều, chữ Thương trong Nói vẫn nói là đi buôn bán. Ngọc thiên nói chung cho các thứ châu báu khác lạ trong bốn phương thì gọi là người đi buôn, có khi gọi là thương lượng, chẳng phải nghĩa ở đây. Thương là đem vật xa gần từ bốn phương nhóm lại. Mai là cố định, là vật cố định đợi người đến mua để cầu lợi. Mai cũng là tiếng nói phổ thông.

- Kinh: “Bấy giờ người con nghèo khổ cho đến dừng lại ở thành này.”

- Tán: Người con đi đến thành.

Ba thừa nội đạo gọi là xóm làng. Đây là câu tổng. Các pháp nói, các việc thần thông hiện có gọi là xóm ấp. Ý đây nói là: Đi đạo khắp nội đạo để cầu xuất ly, thì gọi là đến xóm làng. Văn trước đã nói con đã lớn tuổi trở về nước, tức đã trở về Phật pháp, cho nên biết, xóm làng không chung với ngoại đạo. Hoặc nghe nói pháp cạn sâu. Hoặc quán các thần thông có hơn kém gọi là trải qua các xóm ấp. Xóm rộng lớn thì dụ cho pháp sự nói. Ấp nhỏ dụ cho thần thông. Biết chư Thánh vì không ẩn tàng, trở về giáo nội Phật pháp Đại thừa thì gọi là đến thành của cha. theo ở sau giải thích: May mắn gặp được Phật pháp. Đầu tiên nghe Đại thừa gọi là đến thành cha. Phật tự trú trong Đại thừa, tức giữa đường trở về gặp được Đại thừa.

- Kinh: “Cha thường nghĩ đến con cho đến ôm lòng hối hận.”

- Tán: Thí dụ về con không chịu tu Đại thừa. Có bốn:

1. Cha thường nghĩ đến con.
2. Con nhìn thấy kinh sợ bỏ chạy.

3. Cha cho người đuổi theo bắt lại.

4. Con lo lắng sợ hãi.

Đoạn văn đầu có hai: Trước nói chung về suy nghĩ. Sau nói riêng về suy nghĩ.

Đây nói về phần đầu: Năm mươi năm là nói việc trôi lăn trong năm đường. Chưa hề nói cho ai nghe việc này nghĩa là: Ta từ xưa đến nay chưa hề đối với chúng nói ta có dạy phát tâm Đại thừa. Nay thì thường nghĩ mong muốn cho chúng về của báu Đại thừa và ưa thích Nhất thừa. Chỉ thầm nghĩ mà chưa hề nói ra. Hối vì không sớm gặp con để dạy bảo, hận vì con không mau tìm ta nên gọi là hối hận.

- Kinh: “Tự nghĩ ta đã già yếu cho đến mỗi khi nhớ đến con.”

- Tán: Đây là suy nghĩ riêng.

Có hai: Đầu tiên nghĩ giao phó tài sản, sau đó nghĩ mình sẽ an vui.

Đây nói phần một. Việc tu hành đã lâu dài, đạo trước đã tròn đầy thì gọi là già cả. Phước tuệ vô cùng là nói nhiều tài vật. Tuy đã có Bồ-tát mà chưa hóa độ được Thanh-văn để kế thừa quả Phật, nên nói là không có con. Hoặc con còn nhỏ thì cũng gọi là không có con. Một mai chết đi là nói Phật nhập Niết-bàn, tài bảo Đại thừa sẽ tiêu tán hết. Căn cơ của bọn kia chưa thuần thực nên không thể gửi gắm, vì thế nên thương xót sâu xa thường nghĩ nhớ đến con.

- Kinh: “Lại khởi niệm nghĩ cho đến không còn lo lắng.”

- Tán: Đây nghĩ cha đã an vui.

Không có con giao phó của cải, cho nên lo lắng. Con nay đã thoát khổ, thuận theo lãnh thọ há không vui sao?

- Kinh: “Thưa Thế tôn! cho đến Bấy giờ, đứng một bên cửa.

- Tán: Nói con thấy cha, kinh hãi bỏ chạy. Đây có ba việc:

1. Đến cửa cha.

2. Thấy cha.

3. Bỏ chạy.

Ở đây là nói phần đầu. Thân tâm tinh tấn vì cầu xuất ly. Tâm như người làm thuê lần hồi chẳng phải là bốn tâm nên cầu Đại thừa. Do chủng tánh an bày mà may mắn đến với Đại thừa, nên gọi là đến nhà cha. Vì hạt giống Đại thừa gần sanh mà xa thuần thực nên nói may mắn mới gặp. Lại ở trong đây gặp được liễu nghĩa Đại thừa gọi là đến nhà cha. Giáo hạnh của Đại thừa có công năng giải thích lý, năng chứng các quả, gọi đó là cửa. Cùng tử lúc ấy, chưa thể chuyên cầu khắp tu hành hạnh chứng quả. Chỉ biết tướng chung có nghe chút ít, giáo, tu nhân

nhỏ yếu gọi là dựa cửa. Bấy giờ, chưa hoàn toàn có thể nghe tu tập đại giáo, hành hạnh Đại thừa, chỉ cho biết cũng sẽ được, nghe Đại thừa nên gọi là lập, an xứ một lúc thì gọi là trụ. Lại người tiểu cơ chưa hề biết đại pháp thì không thể gọi là thẳng vào cửa. Tuy trong căn cơ nhỏ yếu nhưng cũng tin và tu tập nên gọi là đứng bên cửa. Ở trên lấy Phật pháp làm nước, tất cả pháp Đại thừa là thành. Trong Đại thừa liễu nghĩa chân thật, Trung đạo Đại thừa gọi là nhà của cha, tức gọi giáo hạnh là cửa.

- Kinh: “Từ xa thấy người cha cho đến cung kính vây quanh.”

- Tán: Nói cùng tử thấy cha, có bảy phần, ở đây có hai:

1. Thấy cha ngồi.

2. Kẻ sang người hèn đều hầu hạ.

Do cách Đại thừa, vị bất thoái còn xa, vá cách chân lí còn xa, nên gọi là xa thấy.

Phật dùng bốn vô úy làm giường, cũng lấy bốn tính lự làm giường, lấy vô tham, vô sân làm ghế bấu, để nâng chân giới, Giới học là chân đi. Người đầy đủ giới học là Bà-la-môn. Tuệ học là Sát-lợi. Định học là Cư sĩ. Lại có các chúng Ba thừa, Đại thừa, Độc giác, Thanh-văn đều cung kính vây quanh.

- Kinh: “Lấy châu báu anh lạc cho đến đứng hầu hai bên.”

- Tán: Văn có hai:

1. Tô điểm thân thể, lấy tam niệm trụ làm chuỗi anh lạc.

2. Người giúp đỡ cung kính hộ vệ, diệp nguyện và năng lực làm nhân dân, nói về điều phục phiền não làm tội tở. Tâm trì tứ nhiếp là cần, phát trần trắng. Thể thanh khiết trừ hết cấu uế, không lìa thân tâm, gọi là đứng hầu hai bên.

- Kinh: “Dùng màn báu che cho đến uy đức rất tôn quý đặc biệt.”

- Tán: Ở đây có ba:

1. Các vật bên ngoài trang nghiêm.

2. Nêu tài sản.

3. Kết luận cao quý, tôn trọng.

Bốn vô lượng tâm và màn báu, bảy tịnh là Hoa, tổng trì là phước. Năm phần Pháp thân và diệp định nhuần ở thân tâm, như nước thơm rưới đất. Dạy người dùng bảy giác như rải các hoa. Ngoài dùng muôn hạnh, lấy đó tô điểm như chưng bày các vật báu. Trên gọi là trang nghiêm, ngoài thí pháp tài gọi là xuất ra. Thân tự chứa đức thì gọi là thu vào thủ để giải thích trong trong tự lấy, cho để giải thích ngoài, ngoài cho người khác. Lại xuất ra thu vào, như trước, chúng. Chúng

sanh căn cơ thuần thực gọi là lấy. Phật ứng thời hóa độ gọi là cho, trên là xuất ra thu vào. “Có các sự tô điểm đường ấy cho đến” Là kết luận tôn trọng cao quý. Đây là ban đầu hiện tướng hóa thân, tịnh độ là tướng đẹp mẫu, nên con thấy, chạy đến chưa thấy báo thân cũng chẳng phải cõi uế.

- Kinh: “Cùng tử thấy cha cho đến hối hận vì đã đến đây.”

- Tán: Đây nói người con bỏ chạy. Có ba phần:

1. Hối hận vì đến đây.
2. Khởi ý nghĩ.
3. Chạy mau.

Đây là phần đầu. Thấy ví như biết chẳng phải mắt thấy, chẳng phải trí chứng. Vì nghe, suy nghĩ ví như biết. Mười lực vô úy gọi là có thể lực lớn. Hoặc dùng mắt thấy thân thông lớn của Phật thì gọi là thấy thể lực lớn. Chẳng phải khả năng mình tu, chẳng phải khả năng mình chứng, nên ôm lòng hoảng sợ. Ở đây thấy hóa thân, Tịnh độ. Do khuyên tu thành Phật nên suy nghĩ mình không thể hành trì, cầu sẽ chứng nên gọi là hối hận vì đã đến đây.

- Kinh: “Trộm nghĩ rằng cho đến bắt buộc ta làm.”

- Tán: Đây là khởi lên ý nghĩ.

Vua là vua Pháp thân, bậc đồng vua là Báo thân đồng nghĩa là tương tự. Hoặc vua là vua của pháp, bằng vua như vua thế gian. Chẳng phải ta tinh cần mà có thể chứng. Gọi là chẳng phải chỗ ta ra sức làm thuê mà được vật. Xóm nghèo là chỉ người Nhị thừa. Không bằng xưa kia thân tâm siêng năng nhọc khổ, tha hồ có đất làm ăn, tức là nơi nương tựa để nuôi lớn đạo. Phước tuệ có thể cầu gọi là dễ được cơm áo. Hoặc Đại thừa trụ lâu, Phật gương ép khuyên ta tu pháp mà không phải là pháp ta thích. Đây là trước kia chưa tâm lui sụt Đại thừa nên suy nghĩ như thế.

- Kinh: “Nghĩ như thế rồi vội bỏ đi.”

- Tán: Ở đây nói vội bỏ đi. Tự mình suy ra không thể tu hành đại hành liền lui sụt tâm Đại thừa tìm nơi khác làm gọi là vội bỏ đi. Đây là lúc còn chưa trụ vào Nhị thừa.

- Kinh: “Bấy giờ trưởng giả cho đến tâm rất vui mừng.”

- Tán: Cha cho người theo bắt về. Đoạn này có ba phần:

1. Thấy con nên vui mừng.
2. Khởi lên ý nghĩ.
3. Sai người bắt về.

Ở đây nói phần đầu, biết căn tánh Đại thừa của chúng sanh duyên

đã gần thành thực cho nên thấy liền vui.

- Kinh: “Liền nghĩ rằng cho đến vẫn cố tham tiếc.”

- Tán: Khởi lên ý nghĩ: Mà chợt tự đến là vì căn tánh thuận thực. Thật là vừa thuận với bản tâm nguyện ý của Phật. Ta tuy tuổi đã già, thành tựu đạo đã lâu xa mà tâm đại bi vẫn còn tham tiếc sâu xa. Vì tình luyến thương con nên tâm đại bi rất thâm trọng. Cho nên nói là tham tiếc.

- Kinh: “ức liền sai người... mau đuổi bắt về.”

- Tán: Sai người đuổi bắt. Có hai: Trước đuổi sau bắt.

Lý vốn bật cả nói năng. Dùng lời mà hiển bày ra thì không gọi là chánh lý. Giáo gọi là dạy người hầu, là Nhất thừa giáo. Hoặc hành có thể tu gọi là chánh chủ. Giáo tạm khai ngộ gọi là người bên cạnh. Bi tâm khởi lên nhanh chóng gọi là đuổi gấp. Nay khiến cho con nhập vào Đại thừa thuận theo sở tập trước kia gọi là bắt đem về. Tâm từ bi muốn hóa độ ngay nên gọi sử giả mau đuổi theo bắt về.

- Kinh: “Cùng tử kinh ngạc cho đến vì sao lại bắt tôi”

- Tán: Nói con sợ hãi lo lắng. Có ba:

1. Con kinh ngạc.
2. Sứ giả càng gấp rút bắt.
3. Con hôn mê.

Ở đây nói phần đầu. Tâm không mong cầu đại hạnh thì gọi là kinh ngạc. Tâm và miệng không chịu tiến tu mà lui sụt nên cất tiếng kêu oan. Thật tình tôi không mong muốn đại pháp gọi là không hề xúc phạm, vô cớ trao cho tôi pháp Đại thừa gọi là vì sao thấy liền bắt.

- Kinh: Sai người mau đuổi bắt đem về.

- Tán: Đây là nói sứ giả càng gấp bắt.

Tâm bị kích động nên giáo mang đến càng cấp thiết, khiến cho tu tập gọi là cưỡng bức đem về. Dùng làm nhân cho ngày nay nhập Đại thừa, cho nên ép ngặt. Chẳng phải khi ấy Phật không biết căn khí mà ép mang về.

- Kinh: “Bấy giờ gã cùng tử cho đến mê ngất ngã dưới đất.”

- Tán: Nói con hôn mê. Thực tình trong tâm không ưa thích Đại thừa gọi là không có tâm xúc phạm nên nghĩ là vô tội. Không muốn con mình học Tiểu thừa, bắt phải học đại nên gọi là “bị bắt tù”. Pháp tu khổ hạnh của Bồ-tát thật khó hành, quá sức mình sợ sẽ khổ nên nói chắc chắn phải chết. Tâm không an vui nên lại càng sợ sệt, thoái tâm không học Đại thừa lui vào sanh tử gọi là mê ngất té dưới đất, đất là chỉ cho nơi sanh tử.

- Kinh: “Cha từ xa đã nhìn thấy cho đến đùng nói với nó”.

- Tán: Dùng Nhị thừa hóa độ. Có sáu phần:

1. Dạy phát quyền tâm.

2. “Cùng tử vui mừng cho đến” khởi ý thích Tiểu thừa.

3. “Bấy giờ trưởng giả muốn dẫn dụ..” khiến cho tu phần giải thoát .

4. Cùng tử trước chịu lấy giá cả, bèn y theo đó mà làm.

5. “Cha thấy con thương xót và lấy làm la..”, khuyên vào gốc lành.

6. Bấy giờ trưởng giả dạy bảo làm việc sau đó thành tựu Thánh vị. Văn đầu có hai: Trước sai thả, sau sứ giả thả đi.

Trước sai thả lại chia làm hai: Một là ngưng dùng Đại thừa hóa độ, mà dạy nên phát tâm quyền, hai là giải thích lý do ở đây là nói phần đầu. Con còn ở xa nên nói cha từ xa nhìn thấy. Lại ngưng giáo hóa bằng Đại thừa, tạm thời khai thị chớ mang giáo hóa nên nói không cần dừng ép trao Đại thừa khiến tu đại hạnh gọi là chớ cưỡng bức đem đến. Dùng quyền giáo xảo Nhị thừa, tam quy y, ngũ giới cấm để thuận với tâm kia, như rưới nước lạnh vào mặt là để diệt trừ hối hận của cùng tử, điều phục mười phiền, hoặc tạm dứt khổ tám nạn, được sanh về trời người hơi dần chán khổ, lại làm vui với bốn ý nên gọi là được tỉnh lại. Ngưng trao Đại thừa chớ nói với nó nữa, tức mê ngất đã hết. Lúc ấy giống như thức tỉnh nhập Thánh ngộ chân.

- Kinh: “Vì sao? Vì sao nói là con ta.”

- Tán: Giải thích ý sai thả. Biết tánh Thanh-văn từ lâu sanh gần thuần thực gọi là biết ý con kém cõi. Đức của cha quá lớn làm cho con khiếp sợ nên nói nạn của con. Hào là mạnh khoẻ. Theo Nam Tử Trí thì nói thống lãnh ngàn muôn người gọi là Hào. Biết có đại tánh, gọi là biết rõ con mình; có thể kế vị mà ẩn mật ngâm giáo hóa gọi là các phương tiện, chưa bảo đại chúng rằng: Trước ta hóa đạo có nhân Đại thừa, nên nói đó là con ta.

- Kinh: “Sứ giả nói cho đến đi đâu tùy ý.”

- Tán: Đây là sứ giả thả đi. Ngưng giáo hóa bằng đại giáo, kham học Nhị thừa, gọi là tùy ý đi.

- Kinh: “Gã cùng tử vui mừng cho đến vì cầu cơm áo.”

- Tán: Phần thứ hai nói con khởi ý thích Tiểu thừa.

Thích hợp cơ nghi vốn có nên vui mừng. Đầu tiên phát tiểu tâm, gọi là được điều chưa hề có. Từ trong sanh tử phát ý tu Nhị thừa gọi là từ dưới đất đứng dậy. Đến xóm nghèo để tìm cơm áo. Công đức Nhị thừa



ít gọi là xóm nghèo, mưu toan pháp vô lậu gọi là cầu y thực.

- Kinh: “Bấy giờ trưởng giả cho đến không có uy đức.”

- Tán: Khiến tu giải thoát phần. Nói pháp năm phép quán dừng tâm niệm xứ cho đến Văn có hai phần:

1. Thâm sai hai người.

2. Hai người y lời dạy.

Phần một lại có ba:

1. Sai hai người.

2. Khiến truyền lời nói.

3. Hỏi đáp.

Ở đây là nói phần đầu. Thật không có hai thể, lập giáo thì có hai thừa, nên nói thâm sai. Giáo phương tiện dạy Nhị thừa nên sai hai người. Trí tuệ thấp kém nên sắc lực tiêu tụy. Thần thông không lớn thì gọi là không có uy đức, hoặc giáo nghiêng lệch nên sắc tiêu tụy, lý thiếu nên không có uy. Hoặc đức của mình kém gọi là tiêu tụy, lợi tha ít mà không có uy đức, đây đều là phát tâm Tiểu thừa. Đầu tiên dạy hành pháp Nhị thừa. Trong Quảng Nhã chép là tiêu tụy, đây là chỉ sự âu sầu bệnh hoạn .

- Kinh: “Hai người hãy đến chỗ kia cho đến dất về đây khiến làm.”

- Tán: Khiến cho truyền lời nói. Dạy khiến người kia nghe, gọi hai người nên đến kia, dùng phương tiện dần hóa gọi là từ từ nói. Học địa của Nhị thừa gọi là chỗ làm. Pháp vô lậu cao siêu, hơn cả giáo pháp lành trời người. Gọi là giá cả gấp bội, tâm cùng tử có thể theo đó mà tu học tức là khuyên đến tu học, gọi là khuyến làm.

- Kinh: “Như nói muốn gì? Cho đến cũng cùng ông làm.”

- Tán: Đây là nói về hỏi đáp.

Nếu kia như hỏi tu hành pháp gì?

Đáp: Đổ phân tức là dứt phiền não! Tu pháp Đại thừa như giữa mài vật báu. Học Tiểu thừa cũng như nghề đổ phân. Chẳng những hành trì mà cũng có thể dứt hoặc. Vì giáo cũng giúp cho dứt. Phải nhờ uy thế nên nói là cùng nhau làm.

- Kinh: “Bây giờ hai người... trình bày đầy đủ các việc trên.”

- Tán: Hai người y theo giáo. Đem giáo pháp phù hợp căn cơ như cầu cùng tử. Dùng pháp xứng khí, khiến kia nghe biết. Cho nên nói được. Cách dứt phiền não thì gọi là trình bày việc trên.

- Kinh: “Bấy giờ cùng tử cho đến cho làm nghề hốt phân.”

- Tán: Đây là nói cùng tử y theo đó làm việc. Trước hỏi giá cả là

ý nói đầu tiên phát tâm tu Bồ-đề Nhị thừa học văn tư tuệ, công đức thù thắng chân thật của Nhị thừa gọi là lấy giá cả. Sau đó mới hành trì năm pháp quán dừng tâm, niệm xứ quán v.v... dần dần chiết phục phiền não nên gọi là “tìm người đổ phân”. Chữ đổ là cho, là làm. Thuận dùng theo lời Phật nói nên gọi là “tìm vào giao cho”.

- Kinh: “Cha thấy con thương xót mà lấy làm lạ.”

- Tán: Từ đây trở xuống là khuyên vào gốc lành. Có ba phần:

1. Tâm thương xót.
2. Thân gần gũi.
3. Cùng nói chuyện.

Đây là phần đầu. Thương xót không có tướng tốt, trí tuệ, lấy làm lạ vì tâm không cầu đại pháp.

- Kinh: “Lại một ngày khác cho đến dơ bẩn bất tịnh.”

- Tán: Thân gần gũi có hai ý:

1. Thấy con.
2. Thân đồng với con.

Đồng với: Từ câu “liền đến hốt phân” trở lên là Phật xa thế gian mà hóa độ phần giải thoát đầy đủ quả vị. Từ câu “thấy con thương xót” trở xuống là Phật gần gũi thế gian hóa độ, khai thị giáo cho chứng quả vị thốn thiện căn. Khác với phần giải thoát trước gọi là ngày khác. Hướng chi đây đều do nhiều kiếp tu hành. Phần vị đã khác nên nói riêng thời khác; biết căn chưa thuần thực, nên ngậm mật hóa. Lại không dùng Đại thừa giáo hóa có buộc, chỉ dùng Nhị thừa sanh không giáo hóa. Cho nên nói trong cửa sổ nhìn ra mà không nhìn thẳng. Cửa sổ đó là chỉ đạo, là hướng là lúc mới thành đạo sắp hướng về vườn nai, gặp nhau. Đây vẫn chưa phải là việc ngày nay sanh ra, cho nên nói là xa thấy, hoặc do cách Thánh vị còn xa cũng là xa thấy. Chưa được phước cao quý nên gọi là già yếu, suy kém. Không được trí thù thắng nên gọi là tiểu tụy. Phiền não gọi là phân đất. Ác nghiệp gọi là bụi bặm. Khổ quả gọi là ô uế, hợp ba thứ này gọi là bất tịnh.

- Kinh: “Ông liền cởi châu anh lạc cho đến đồ hốt phân.”

- Tán: Đây là nói thân đồng. Hóa thân đầy đủ công đức tướng tốt, tròn sáng ở cõi Tịnh. Con trông thấy kinh hãi bỏ chạy. Nay hiện ra thân thế gian ở cõi uế như bản, hóa tướng ẩn giấu, như cởi chuỗi anh lạc tô điểm trên thân. Cũng như Phật dùng thần lực ẩn thân, thường phát ra ánh sáng nhưng chỉ phát ra một tầm. Đó chẳng phải thân đẹp tướng tốt nên gọi là cởi áo tốt. Tướng đồng với hữu lậu thì gọi là mặc y phục rách rưới như bản. Nói về có hữu lậu, phiền não nghiệp ác như thân lấm bụi.

Trước nói quyền giáo gọi là tay phải, dùng đó trước tiên. Cầm đồ hốt phân đó là nhân hạnh Nhị thừa hàng phục phiền não.

Dùng giáo thuyết hiển bày nghĩa cũng đồng như dùng tay cầm.

Phật tự nói về đồng hành trì dứt trừ phiền não, để nói về quyền giáo.

- Kinh: “Bộ dạng đáng nể sợ cho đến để được gần con.”

- Tán: Đây là phần cùng nói chuyện. Có hai:

1. Nói chung là siêng làm.
2. Nói riêng là dạy bảo.

Ở đây là nói phần đầu.

Nói về các tướng khổ đáng sợ, tâm từ bi dặt dãn như hình dạng đáng nể sợ. Nói về chỉ dạy, khen ngợi, khuyến khích, vui mừng an ủi, khuyên hành tinh tấn gọi là khuyên siêng làm. Đây là đời đời được Phật giáo hóa nên nói được gần con.

- Kinh: “Sau đó lại bảo rằng cho đến trả thêm giá cho người”.

- Tán: Dùng lời dạy bảo riêng. Có ba phần:

1. Không để cho đi nơi khác.
2. Thuận theo liền cho.
3. Tam gọi là cha con.

Đây là phần đầu. Phật khuyên chúng sanh chớ lui sụt rơi vào sanh tử tu theo ngoại đạo, nên bảo “chớ bỏ đi nơi khác”.

Trả thêm giá là: Cho các người tu tuệ, tứ gốc lành, tức gia hạnh thêm văn, tư, tuệ ở giai vị trước.

- Kinh: “Các vật cần dùng cho đến ý thích an ổn.”

- Tán: Đây là tùy vật con cần dùng mà cha ban cho.

Các vật dùng là thiền định. Gạo bột là giải thoát, thắng xứ, tứ vô lượng v.v... Do định mà phát sanh các công đức. Vị này cũng là tu tập học phần. Muối dấm là bốn của sanh không phải hai trí hữu lậu sau. Cũng như muối làm điều hòa các vị. Trí này cũng như vậy, có thể điều hòa công đức. Tâm vui mừng quyết hưởng tới chớ sanh nghi ngờ.

Người tổ già thấp kém là năm thân thông của Nhị thừa, tác dụng của bốn thứ thân tức rất yếu, nên gọi già hèn, để cho các con, các con nên siêng năng học đạo để ý tự an. Đây là nói người lợi căn vượt lên đắc quả, còn người theo thứ lớp đắc quả thì có vật dụng thau chậu là chưa đến gạo định bột mì là tứ đế, ngũ căn, ngũ lực v.v... Muối giấm là hành tướng sanh không vô ngã người tổ già yếu là tứ thân tức. Từng tu các pháp giải thoát phần vị.

- Kinh: Ta như là cha người cho đến như con đẻ của ta.

- Tán: Tạm gọi cha con...

Phần đầu là nêu. Phần sau giải thích. Đạo ta đã tròn đầy gọi là già. Đạo người nhuần nhuyễn nên gọi là trẻ. Tình cha con đã thấm thiết. Ý niệm quyển thuộc càng sâu. Đã nói như là cha con, thì đâu có lo thiếu thốn, cũng không tự khinh mình. Chuyên cầu xuất ly gọi là không lừa dối. Thân thường tính tấn gọi là không biếng trễ. Tâm không phiền não sân hận lời không oán ghét, tức là chiết phục ba nghiệp ác. Người đã có thể dùng phương tiện để quán chiết phục phiền não, gọi là không thấy người có các việc xấu như thế, cũng đều không thấy người có các lỗi xấu như người tu hành của các ngoại đạo khác, hay như là người lừa dối, lừa dối trong Phật pháp. Từ nay về sau, con đã gần gũi Thánh đạo, như các Thánh nhân, là con do ta sanh ra, không khác, chưa đắc kiến đế vẫn không phải là con thật, ở đây tạm gọi như con.

- Kinh: Tức thời trưởng giả cho đến gọi đó là con cho đến.

- Tán: Nói thành tựu Thánh vị. Có ba phần:

1. Bắt đầu nhập Thánh.

2. Trụ vào Tu đạo.

3. Thành tựu Vô học.

Đây là phần đầu. Trụ ở phạm vị như con nuôi, vẫn chẳng phải con. Nhập Thánh rồi mới là con thật, nên gọi là con. Chuyển dần gần gũi nên trụ vào sơ quả.

- Kinh: “Bấy giờ cùng tử cho đến thường sai hốt phân.”

- Tán: Trụ Ở Tu đạo. Đây là nói đạo trước Kim cương. Tuy đã nhập vào Thánh, rất vui ở sự tình cờ gặp đó nhưng tự biết mình không bằng các Bồ-tát, còn tự cho mình là khách là người làm công thấp kém.

Trải qua hơn hai mươi năm là dụ cho quả vị Nhị thừa mỗi mỗi đều đủ vô lậu mười pháp hạnh, mười nghiệp đạo nên thường sai khiến đổ phân, thường dứt trừ phiền não. Hoặc trong hai mươi năm đó là ở trong hai quả vị Gia hạnh, Vô Gian hàng phục dứt trừ nghi ngờ. Hoặc trụ ở tu đạo, đoạn câu sanh hoặc ở cõi trên dưới, năm hạ phần kiết, năm thượng phần kiết, hai thứ đều dứt, hoặc trong đạo giải thoát, Vô gian đoạn hai vị thô nặng hạt giống khác nhau.

- Kinh: “Sau khi trải qua đó rồi cho đến vẫn còn ở chỗ cũ.”

- Tán: Đây nói đạo sau Kim cương. Thành tựu vô học rồi được gần gũi Phật. Thức đạt sanh không, đồng đắc giải thoát nên gọi cùng thể tin. Vào học Phật pháp, lợi ích chúng sanh, không sợ, không nhiễm gọi là không ngại sợ. Lại tâm thể tin nhau hai lợi vào ra cũng không ngại khó, vẫn còn trụ lý sanh không Nhị thừa không mong cầu đại quả thì gọi là ở chỗ cũ. Đó là nơi sở cầu sở học.

- Kinh: “Bạch Đức Thế tôn! Bây giờ, cho đến nên thấu rõ ý ta”.

- Tán: Dụ không mong cầu Đại thừa.

Có hai: Đầu tiên nêu Đại, sau nói không mong cầu. Phần đầu văn lại có hai: 1. Nêu; 2. Giải thích.

Phần nêu này lại có hai: Biết thời và chánh bảo.

Bị bệnh là nói: Sau mười hai năm, phiền não của chúng sanh dần dần thêm lớn.

Vì chúng sanh bệnh nên Phật cũng bị bệnh. Đây ở trước hội Pháp Hoa, biết thời nhập Niết-bàn, gần đến người được độ đó đều đã độ xong, thì gọi là biết giờ chết không bao lâu nữa pháp hữu vi vô vi, tất cả các công đức của Bồ-tát, Như-lai đều gọi là kho báu đầy tràn. Ở trong đó Đại thừa cho nhiều Nhị thừa cho ít. Như-lai cho nhiều Bồ-tát cho ít. Vô vi cho nhiều, hữu vi cho ít, chỗ đáng lấy là muôn đức tự lợi, chỗ đáng cho là muôn đức lợi tha. Các thầy nên biết rõ thấy đều nên biết. Thuật lại tâm trước của mình, gọi là nên thể theo ý này. Tức khiến cho hiểu được nghĩa yếu chỉ Muôn đức nhị lợi của Đại thừa v.v... khiến họ thấu đạt đạo lý của Đại thừa, mà chưa dạy cho phát đại tâm. Cho nên đây nói bao gồm nên thể theo ý này.

- Kinh: Vì sao? cho đến chỗ để quên mất.”

- Tán: Đây giải thích khai thị pháp Đại thừa. Như cha con thể gian tuy có tâm khác mà sự không khác. Phật không khác với Nhị thừa:

1. Giải thoát bình đẳng.

2. Sanh không chân như bình đẳng.

3. Ý lạc bình đẳng. Phật đắc quả chúng sanh bình đẳng ý, nên dụng tâm thêm cầu pháp Đại thừa giải thoát, không để quên mất, là chớ quên không học.

- Kinh: “Bấy giờ cùng tử cho đến ý mong lấy của đáng chùng bữa ăn”

- Tán: Nói không cầu pháp Đại thừa. Có hai phần:

1. Nói thọ lãnh mà không mong cầu.

2. Vẫn còn ở chỗ cũ.

Đây là phần một. Tu-bồ-đề trước khi có hội Pháp Hoa, lãnh hội được nghĩa Không, giữ gìn, che chở pháp Đại thừa, không ngu nơi pháp, biết lý Đại thừa nhưng không có một niệm phát tâm Đại thừa. Không có ý mong cầu pháp quả Phật Đại thừa, như nói đáng chùng một bữa ăn. Cho nên trước nói không sanh tâm một niệm ưa thích.

- Kinh: “Nhưng chỗ ở đó cho đến cũng chưa thể bỏ.

- Tán: Đây còn trụ ở bản vị. Nhưng chỗ trụ còn ở Nhị thừa. Tâm

Nhị thừa yếu kém cũng chưa thể bỏ.

- Kinh: “Lại trải qua một ít thời cho đến tự chê trách tâm trước cho đến”

- Tán: Dụ nay đắc được, có hai phần:

1. Cha giao phó.

2. Con đạt được.

Cha giao phó có hai:

1. Biết thời đến.

2. Nhóm họp mọi người để giao phó cho con.

Ở đây là nói phần đầu.

Trải qua một lát lâu sau: Sau hội Bát-nhã là hội Pháp Hoa, thời gian này có chút ít tiến triển, gọi là “dần dần đã”. Hiểu ý hai không này, rộng xả gọi là thông thái. Thông nghĩa là khai đạt, thái là an thái.

Thành tựu đại chí là: Xưa phát đại tâm, gần sanh, mà thuần thực còn xa nên tự chê tâm trước, hối hận vì xưa trụ trong tiểu pháp. Bỏ là khinh chê hiềm trách tâm trước kia tu Tiểu thừa. Cho nên ngài Thu Tử trước nói chúng ta đồng nhập vào pháp tánh. Vì sao Như-lai dùng pháp Tiểu thừa ra cứu độ. Đây là lỗi của chúng ta chứ không phải Phật, mỗi khi tự trách, chính là đồng với đây.

- Kinh: “Lúc gần qua đời cho đến thấy đều đã nhóm họp.”

- Tán: Nhóm họp chúng để giao phó. Có hai phần:

1. Mệnh lệnh nhóm họp.

2. Chánh bảo cho biết.

Ở đây là nói phần một.

Hội Pháp Hoa cách lúc Phật Niết-bàn chỉ có năm năm, nên nói lúc sắp qua đời. Xưa thoái Đại thừa làm con nuôi tức Thanh-văn, hợp cùng thân thuộc của Bồ-tát, bốn hàng như vua v.v... là chỉ cho bốn chúng, hoặc đúng tên gọi hạng đó.

- Kinh: “Tức tự giảng nói cho đến là của ta sanh ra.”

- Tán: Là phần chánh nói: Có hai:

1. Nhắc lại xưa kia.

2. Nay nói cho biết từ câu “bỗng ở đây gặp nó v.v...”

Nhắc lại lại xưa có ba:

1. Nêu lúc phát tâm ban đầu.

2. Lui sụt vào sanh tử.

3. Nêu lại pháp quyền.

Có bốn việc lâu xa: Nghĩa là giữa đường gặp Phật không chịu tu Đại pháp, dùng pháp Nhị thừa giáo hóa, không mong cầu Đại thừa.

Đây nói phần một.

Nhị thừa thành Phật, việc đó rất khó, cho nên tự Đức Phật giảng nói không để lại việc khác. Đầu tiên Ta vì mười sáu vị vương tử, dạy phát đại tâm, gốc lành của họ do từ miệng ta sanh ra, từ pháp âm của Phật sanh ra. Cho nên nói từ Phật pháp sanh ra, như thế mới là thật sanh.

- Kinh: “Trong thành đó cho đến hơn năm mươi năm.”

- Tán: Nói lại việc lui sụt vào sanh tử. Thành đó tức là Đại thừa. Một lần gặp đầu tiên đã dạy phát tâm hướng Đại thừa. Nếu Đại thừa định tánh và phát tâm ở thượng phẩm, thì chưa hẳn lui mất. Nay nói bất định tánh và phát tâm ở hạ phẩm. Kia đã lui sụt vào sanh tử nên gọi là thành đó.

“Bỏ ta trốn đi:” Chữ linh là chỉ cho hình dáng lẻ loi cô độc. Linh đình: Là chỉ cho sự đi đứng không ngay ngắn, như bước vào chỗ nguy hiểm. Đây hoặc là nhiếp nói sự nguy hiểm khó khăn trong năm đường. Hoặc do đau khổ cô đơn mà rong ruổi vào năm đường, bỏ cha mẹ, bỏ Phật, nên gọi đó là cô đơn. Nghĩa tuy vậy mà không biết y cứ vào đâu. Trong đây ý nói là bỏ cha mẹ đi thường không an ổn, cô độc nguy nan hành động không đúng, sợ hãi, khổ sở.

- Kinh: “Xưa nó vốn là tên đó cho đến lo lắng, tìm kiếm.”

- Tán: Ở đây nhắc lại trong quyền có bốn việc lâu xa khác. Giữa đường gặp Phật, Phật biết rõ nguồn gốc. Đời đời theo Phật được giáo hóa, do đây nhớ rõ “tên ta, tên nó”.

Xưa ở tại thành này gặp ở giữa đường lại dạy Đại thừa. Cho nên ngài Xá-lợi-phất tu hành, trải qua sáu mươi kiếp mới lui sụt lại Tiểu thừa. Giữa đường được Phật giáo hóa tu Đại thừa. Vì thế, nói ta ở chỗ thành này.

Lo lắng tìm kiếm: Từ bi sâu xa tựa như lo lắng. Gặp mà không tu Đại thừa, dùng pháp Nhị thừa làm phương tiện hóa độ. Kia tuy đắc quả, mà vì lòng từ bi sâu xa, nên lại nói về Đại thừa, nhưng chúng sanh không mong cầu. Các việc như thế gọi là tìm kiếm.

- Kinh: “Bỗng ở nơi đây cho đến con ta đã biết.

- Tán: Ở đây là nói việc này.

Luận Phật địa chép: Trong hội Pháp Hoa, căn cơ chủng tánh bất định, đã thành thực, nên xả bỏ phân đoạn mà thọ thân biến dị, hồi tâm hướng đại. Cho nên nói “Bỗng ở đây được gặp” vì cảm ứng phù hợp nhau. Xưa Phật từng giáo hóa pháp Đại thừa. Cho nên nói “đây thật là con ta”. Quả Bồ-đề của ta, của cải ta lẽ ra con nên được, đều thuộc về

của con. Công đức của thân vào tự lợi và xuất ra lợi tha trước kia con ta đều biết cả, ta nay đều giao phó.

- Kinh: “Thế tôn! cho đến Khi đó tự nhiên đến.”

- Tán: Ở đây là nói con đạt được.

Biết mình từ trước đến nay không có tâm dự định thành Phật, đâu có mong cầu căn thuần thực tùy ý nghe kinh sẽ được thành Phật? Gọi là: Vốn không có tâm mong cầu, mà kho tàng quả Phật chân thật tự nhiên đến.

- Kinh: “Thế tôn! Trưởng giả cho đến chúng con là con.”

- Tán: Đều nói lãnh thọ. Có hai phần:

1. Xưa không mong cầu.

2. Nay được, tức từ câu: “Nay chúng con mới biết Thế tôn, đối với trí tuệ của Phật” trở xuống, văn đầu lại có năm phần:

1. Hợp nói sơ phát tâm.

2. “Thế tôn!... Chúng con vì ba khổ” đều nói lui sụt trong sanh tử.

3. “Mê hoặc vô tri v.v...”. Đều nói không chịu tu Đại thừa.

4. “Ngày nay Đức Thế tôn khiến chúng con suy nghĩ”, là nói dùng Nhị thừa hóa độ.

5. “Nhưng Đức Thế tôn trước biết chúng con v.v...” là nói việc khai thị không cầu Đại thừa. Không hợp với phần thứ ba trở về gặp Phật. Giữa đường gặp Phật thì cũng là Phật tử, đầu tiên gặp cũng là con. Điều này trước đã dẫn dụ đầy đủ nên lược qua không nói. Đời đời đã theo Phật được Phật hóa độ từ trước.

Đây là phần đầu. Nghĩa chữ con như trước. Đầu tiên dạy phát tâm thật ra trụ ở phạm vị. Cho nên nói giống như con, như con thật của bậc Thánh. Hoặc đây là tướng chung. Nói các Nhị thừa tự như con Bồ-tát. Phật thường nói Nhị thừa cũng là con Phật. Cho nên ngài Thu Tử trước nói: Nay nghe kinh Pháp Hoa mới biết là thật là con Phật.

- Kinh: “Thế tôn cho đến chịu các khổ não.”

- Tán: Phần hai là nói lui sụt vào sanh tử. Ba khổ là:

1. Khổ khổ.

2. Hoại khổ.

3. Hành khổ.

Là tự tướng của khổ thọ và thuận với khổ thọ, gốc khổ, khổ cảnh, tương ứng với pháp. Một phần năm uẩn là tánh khổ khổ. Trái duyên ép ngặt thì gọi là khổ. Khổ này gọi là khổ khổ, tức năm khổ trước ở trong bát khổ, đều gọi là khổ khổ.

Tự tướng lạc thọ và thuận với lạc thọ, gốc khổ, khổ cảnh, cùng



pháp tương ứng, ở vị biến hoại có thể sanh ra ưu não, nên gọi là hoại khổ. Lại do ái mà làm cho tâm biến hoại cũng gọi là hoại khổ. Một phần năm uẩn là tánh hoại khổ, tức, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc trong bát khổ, đều là hoại khổ.

Tự tướng của xả thọ, và thuận xả thọ, như là căn, là cảnh, với pháp tương ứng. Hoặc đồng thời đều do hai khổ thô nặng tùy thuộc trước. Không lia hai khổ này, mà vô thường, biến đổi tùy thuộc theo nên gọi là hành khổ. Không chỉ xả thọ gọi là hành khổ mà năm uẩn hữu lậu hoàn toàn là hành khổ. tức trong bát khổ lượt nhiếp tất cả năm thủ uẩn, khổ đều gọi là hành khổ. Như trong Duyên sanh thứ tám của Duy thức, các văn đều khác nhau. Do thối lui nên thọ sanh tử này. Hoặc đây không nói ra việc thối lui trước kia, mà chỉ nói tổng tướng ép ngặt chung của ba khổ chịu các nóng bức.

- Kinh: “Mê lầm biết ưa thích pháp Tiểu thừa.”

- Tán: Là nói không chịu tu Đại thừa. Ngu si gọi là mê, do dự là hoặc. Thích theo pháp Tiểu thừa nên không chịu tu Đại thừa.

- Kinh: “Ngày nay Đức Thế tôn... giá của một ngày.”

- Tán: Là nói dùng Nhị thừa hóa độ. Có hai phần:

1. Y theo lời Phật thì được không nhiều.

2. Nêu bày: Được tiểu quả bèn cho là đủ.

Đây nói phần một. Suy nghĩ là: Suy tư tu để quán. Dực là trừ. Trừ bỏ phân hí luận, dứt chướng phiền não. Siêng tu tinh tấn nhiều kiếp chuyên tâm, được đến Niết-bàn.

Giá một ngày là đạt được không nhiều. Thể của Đại Niết-bàn, trải qua ba đại kiếp mới đắc được, gọi là vô số giá. Nay trong sáu mươi kiếp liền được giải thoát. Há chẳng phải giá Niết-bàn một ngày hay sao? Lại ba việc Đại Niết-bàn đều tròn đầy thì gọi là vô số giá. Nay chỉ được giải thoát, không đắc pháp thân, đại tuệ. Trong giải thoát chỉ đắc hoặc chướng giải thoát, không đắc trí chướng giải thoát. Chỉ được lia phần đoạn sanh tử giải thoát, không phải được lia tri chướng và Biến dịch giải thoát. Há chẳng phải cái giá Niết-bàn một ngày! Thể của Niết-bàn tức là giải thoát!

- Kinh: “Đã đắc pháp này rồi cho đến chỗ đắc rộng nhiều.”

- Tán: Đây nói tiểu tình bèn cho là đủ, vì tâm quá thấp hèn.

- Kinh: “Nhưng Thế tôn cho đến phần Bảo Tạng.”

- Tán: Khai thị Đại thừa mà không mong cầu: Ở đây có ba phần:

1. Biết ta ưa Tiểu thừa. Phật không nói ta được, nên không mong cầu.

2. Tự đắc Niết-bàn, cho là mình đã đầy đủ, nên không mong cầu gì hơn.

3. Chỉ vì nói cho chúng Bồ-tát, không phải vì ta mà nói, cho nên không mong cầu.

Đây là nói phần đầu. Mê đắm lòng ưa muốn hèn tẻ, tức ưa điều xấu, mong cầu Tiểu thừa. Phật biết căn cơ chưa thuần thực nên buông bỏ con, không vì con mà nói rõ ràng con cũng có phần của Phật, cho nên chúng con không mong cầu. Phật đều chọn bỏ, nên chọn mà bỏ chúng con.

- Kinh: “Thế tôn! cho đến không có chí mong cầu.”

- Tán: Tự đắc Niết-bàn cho là đã đủ, nên không còn mong cầu.

Dùng năng lực phương tiện mà nói trí tuệ của Như-lai tức là đầu tiên nói quyền giáo phương tiện, ý hiển bày trí tuệ Phật Nhất thừa chân thật. Do ta đã được Niết-bàn, nên tự cho đã đầy đủ là được nhiều, mà không biết trí tuệ thật sự của Phật. Cho nên không mong cầu.

- Kinh: “Chúng ta lại do cho đến không có chí nguyện.”

- Tán: Chỉ vì Bồ-tát mà nói, không vì ta mà nói. Cho nên không mong cầu. Đây có hai: 1. Nêu ra; 2. Giải thích.

Nêu ra nói Bát-nhã là do lực trí tuệ gia trì của Phật, tùy theo chúng con nhưng vì nói cho Bồ-tát, không nói cho chúng con, nên chúng con không có chí nguyện đối với pháp này. Vì thế luận Du-già chép: Chỉ vì người phát hượng cầu Đại thừa nói các pháp Không, chánh là đồng với ý này.

- Kinh: “Vì sao? cho đến thật là Phật tử.”

- Tán: Giải thích ý không mong cầu. Biết con ưa thích Tiểu thừa nên Phật dùng năng lực phương tiện rõ ràng nói cho chúng con, pháp Nhị thừa, không chánh rõ ràng nói cho bọn chúng con nói, cũng nên thích nghi nghe pháp Bát-nhã thậm thâm. Phật chỉ nêu tướng chung tùy theo con mà nói các kinh Bát-nhã cho đến Chúng con không biết thân có phần của Phật, có Hạt giống Phật thật là Phật tử tu học Bát-nhã. Do ngu ý này nên không cầu pháp Đại thừa.

- Kinh: “Nay chúng con mới biết cho đến nói pháp Đại thừa.”

- Tán: Là nói nay được. Có ba phần:

1. Biết Phật không tiếc pháp Đại thừa, nên nay được.

2. Biết Phật chỉ dùng Đại thừa hóa độ, nên nay được.

3. Kết lãnh thọ nay được.

Đây là nói phần đầu, gồm có: Nêu ra và giải thích, văn ý có thể biết.

---

Phẩm Phương Tiện nói: “Nếu người tin về Phật, biết Như-lai không dối, cũng không có ý tham ganh, dứt trừ các pháp ác.” Nay biết Phật không sển pháp, chỉ vì con tự ưa theo Tiểu thừa, không thể học Đại thừa. Nếu có tâm ưa thích Đại thừa, Phật sẽ nói cho ta nghe.

- Kinh: “Nay trong kinh này cho đến Đại thừa giáo hóa.”

- Tán: Đây biết Phật chỉ dùng Đại thừa hóa độ. Nay trong kinh này, chỉ nói Nhất thừa. Cho nên biết chỉ lấy Nhất thừa làm tông. Không nói một thân để làm tông chỉ. Phật trước trách mắng Thanh-văn chỉ vì hóa độ Bồ-tát, khiến cho học Nhất thừa. Ý Phật đã rõ ràng, nên nay con được lãnh hội ý trước. Như thế đều vì đặc Nhất-thiết-chủng-tri của Phật thừa trong kinh này.

- Kinh: “Thế cho nên chúng con cho đến đều đã được.”

- Tán: Đây là phần kết sự lãnh thọ ngày nay Phật tử đã được: Sở đắc nhân quả Nhất thừa của Bồ-tát. Nay con nghe kinh, phát tâm cầu hướng đến như sở đắc của Bồ-tát đều đã được, chắc chắn được nên gọi là đều đã được. Bồ-tát ngày trước lúc mới phát tâm, cũng như con ngày nay. Phật đã đặc pháp rất ráo, thì con cũng được như vậy, nên gọi là “đều đã được”, lý thật không khác.

Tăng Pháp Ấn ở chùa Pháp Long.

Viết xong ngày 21 tháng 05 niên hiệu Bảo An năm thứ ba.

